Chi tiết mã HS 3702.96.90

Mã HS	3702.96.90
Mô tả hàng hóa	Phim để tạo ảnh ở dạng cuộn, có phủ lớp chất nhạy, chưa phơi sáng, bằng vật liệu bất kỳ trừ giấy, bìa hoặc vật liệu dệt; phim in ngay ở dạng cuộn, có phủ lớp chất nhạy, chưa phơi sáng / - Loại khác: / - - Loại chiều rộng không quá 35 mm và chiều dài không quá 30 m: / - - - Loại khác
Đơn vị	m
Thời điểm tạo	10/11/2026 17:51:16
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/37029690/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K5248
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N5248
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q5248
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	3.5	3,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E5127
ATIGA	2022	2022	0	AT!E5088
ATIGA	2023	2023	0	AT!F5088
ATIGA	2024	2024	0	AT!G5088
ATIGA	2025	2025	0	AT!H5088
ATIGA	2026	2026	0	AT!I5088
ATIGA	2027	2027	0	AT!J5088
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E5132
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F5132
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G5132
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H5132

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I5132
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J5132
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E5130
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F5130
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G5130
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H5130
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I5130
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J5130
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F5130
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H5094
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F5090
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G5090
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H5090
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I5090
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J5090
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K5090
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5099
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5099
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5099
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5099
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5099
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5099
VCFTA	2022	2022	0	VC!D5137
VCFTA	2023	2023	0	VC!E5137
VCFTA	2024	2024	0	VC!F5137
VCFTA	2025	2025	0	VC!G5137

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H5137
VCFTA	2027	2027	0	VC!I5137
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D5134
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E5134
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F5134
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5134
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5134
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5134
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D5142
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E5142
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F5142
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G5142
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H5142
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I5142
EVFTA	2022	2022	1,2	EV-NK!D5113
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E5113
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F5113
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5113
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5113
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5113
UKVFTA	2022	2022	1,2	UKV!D5115
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E5115
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F5115
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5115
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5115
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5115

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5113
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5113
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5113
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5113
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5113
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5113
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5113
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D5134
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E5134
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F5134
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G5134
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H5134
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I5134
RCEP B	2022	2022	0	B!D5134
RCEP B	2023	2023	0	B!E5134
RCEP B	2024	2024	0	B!F5134
RCEP B	2025	2025	0	B!G5134
RCEP B	2026	2026	0	B!H5134
RCEP B	2027	2027	0	B!I5134
RCEP C	2022	2022	0	C!D5134
RCEP C	2023	2023	0	C!E5134
RCEP C	2024	2024	0	C!F5134
RCEP C	2025	2025	0	C!G5134
RCEP C	2026	2026	0	C!H5134
RCEP C	2027	2027	0	C!I5134
RCEP D	2022	2022	0	D!D5134

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E5134
RCEP D	2024	2024	0	D!F5134
RCEP D	2025	2025	0	D!G5134
RCEP D	2026	2026	0	D!H5134
RCEP D	2027	2027	0	D!I5134
RCEP E	2022	2022	0	E!D5137
RCEP E	2023	2023	0	E!E5137
RCEP E	2024	2024	0	E!F5137
RCEP E	2025	2025	0	E!G5137
RCEP E	2026	2026	0	E!H5137
RCEP E	2027	2027	0	E!I5137
RCEP F	2022	2022	0	F!D5134
RCEP F	2023	2023	0	F!E5134
RCEP F	2024	2024	0	F!F5134
RCEP F	2025	2025	0	F!G5134
RCEP F	2026	2026	0	F!H5134
RCEP F	2027	2027	0	F!I5134
VIFTA	2024	2024	4.5	VI!F4731
VIFTA	2025	2025	4	VI!G4731
VIFTA	2026	2026	3.5	VI!H4731
VIFTA	2027	2027	3	VI!I4731

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3702.96 có 2 dòng thuế; dòng 3702.96.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	3702.96.10 Loại phù hợp dùng cho điện ảnh	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3702.96.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 3702.96.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N5248), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.